TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 221/2023/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 18 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 346/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

Chị Bùi Thị M, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Th, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Anh Trương Ngọc V, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Th, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị M và anh Trương Ngọc V kết hôn là tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Th, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/10/2016. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc cho đến đầu năm 2023 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau nên chị M và anh V đã sống ly thân. Nay chị M và anh V xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị. Xét thấy chị M và anh V thống nhất thuận tình ly hôn là tự nguyện, không trái pháp luật, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị M và anh Trương Ngọc V.

[2] Về con chung: Chị Bùi Thị M và anh Trương Ngọc V thống nhất vợ chồng có hai con chung là cháu Trương Ngọc Tuấn M, sinh ngày 29/01/2017 và cháu Trương Ngọc Tuấn Kh, sinh ngày 07/4/2020. Chị M và anh V thỏa thuận giao cho chị Bùi Thị M trực tiếp nuôi cháu Trương Ngọc Tuấn Kh, giao cho anh Trương Ngọc V trực tiếp nuôi cháu Trương Ngọc Tuấn M, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Nhận thấy sự thỏa thuận về nuôi con chung của chị M và anh V là tự nguyện và không trái quy định của pháp luật nên công nhận sự thỏa thuận về nuôi con của anh chị.

[3] Về tài sản và công nợ: Chị Bùi Thị M và anh Trương Ngọc V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị Bùi Thị M và anh Trương Ngọc V thống nhất chị M chịu toàn bộ lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị M và anh Trương Ngọc V.

- Về con chung: Chị Bùi Thị M và anh Trương Ngọc V có 02 con chung là cháu Trương Ngọc Tuấn M, sinh ngày 29/01/2017 và cháu Trương Ngọc Tuấn Kh, sinh ngày 07/4/2020. Công nhận sự thỏa thuận của chị Bùi Thị M và anh Trương Ngọc V về nuôi con: giao cháu Trương Ngọc Tuấn Kh cho chị Bùi Thị M trực tiếp nuôi, giao cháu Trương Ngọc Tuấn M cho anh Trương Ngọc V trực tiếp nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Các bên có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con. Nếu anh V, chị M lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bên còn lại.

- Về tài sản và công nợ: Chị Bùi Thị M và anh Trương Ngọc V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Bùi Thị M chịu toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị M đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003651 ngày

04 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H (chị M đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm).

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện H;
- UBND xã Th;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Thị Ngọc Tú